TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bồ Quốc Khánh;
2. Ông Đoàn Văn Lước.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trường Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Hữu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị Thu D, sinh năm 1999; địa chỉ thường trú: Số B N, Phường A, Quận E, Thành Phố Hồ Chí Minh; Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trương Khánh U, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Tổ B, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu D – *có đơn xin vắng mặt, trình bày:*

Ông Trương Khánh U và bà Đỗ Thị Thu D tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau và tiến tới hôn nhân vào ngày 10 tháng 02 năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B.

Sau khi cưới nhau, vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian gần đây mới phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên có lời qua, tiếng lại, hai bên không có tiếng nói chung nên tình cảm ngày càng rạn nứt, bà D đã cố gắng cùng ông U dung hòa mối quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả nên bà D làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông U.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng bà D chung sống không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trương Khánh U – *Có đơn xin vắng mặt trình bày*:

Ông Trương Khánh U vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày về thời gian tìm hiểu, kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Ông U cũng đồng ý ly hôn với bà D nhưng xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết, xét xử.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chung sống không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt là là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Viện kiểm sát không kiến nghị khắc phục gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị Thu D làm đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Trương Khánh U nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Do bị đơn ông Trương Khánh U hiện có nơi cư trú tại xã B, thuộc huyện B nên Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xin vắng mặt của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu D và bị đơn ông Trương Khánh U: cả hai nên đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thu D với ông Trương Khánh U sống chung có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do bà D xét thấy không thể cùng ông U tiếp tục chung sống nên xin ly hôn, ông U cũng có lời khai đồng ý ly hôn đối với bà D.

Như vậy, việc bà D và ông Trương Khánh U có lời khai thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Thu D, cho bà Đỗ Thị Thu D được ly hôn với ông Trương Khánh U là phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của hai bên.

[4] Xét về con chung: Bà D và ông U có lời khai thống nhất không có con chung, không có ai yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Thu D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQHĐTP- TANDTC ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn giữa bà Đỗ Thị Thu D đối với ông Trương Khánh U.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thu D được ly hôn với ông Trương Khánh U.

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Thu D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ hết vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0003765 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng